

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group
6/10/2026
Round
5

Date
2026/8
Board
1

WHITE Kaviinayan Meiyazhagan											
BLACK Ong Qi Yi											
FED Kor						FED SGP					
RESULT (W)						RESULT (B)					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf3	Nb5	41	d4	Kg6	61		
2	Nf3	Nc6	22	Ra4	Bh8	42	h4	Re2	62		
3	Bg5	g6	23	d4	Nd5	43	h5	Kf5	63		
4	O-O	Bg7	24	Qd4	Qb8	44	e6	Kg6	64		
5	G3	Nf6	25	g5	Bf8	45	exd7	Re7	65		
6	Re1	O-O	26	f5	Qxh6	46	f5	Re3	66		
7	h3	d5	27	Nf5	Re7	47	Kf2	Rc3	67		
8	e5	Nf5	28	Kf2	Rb5	48	Qd4	Kf5	68		
9	d4	Qb6	29	Rc3	Qa5	49	R7	Rc2	69		
10	Bxc6	bxc6	30	Re2	h6	50	Ke3	d4	70		
11	Nf4	c4	31	Qxh6	exh6	51	Kf3	Rc3	71		
12	b3	exd3	32	Qxh6	4h7	52	Kf4	Rc4	72		
13	Nf3	Nc7	33	Nd4	Qd7	53	Kf4	Ke6	73		
14	Bd3	Re5	34	Nf6	g4	54	Qd4	h5	74		
15	Bc5	Qa6	35	exd6	Qd8	55	Qd4		75		
16	Qd2	Bf3	36	Rg5	Kg8	56			76		
17	Nh4	Bd3	37	Re8	Kh7	57			77		
18	Qd7	Re7	38	Nf5	Nc4	58			78		
19	Rc5	Qd4	39	Re7	Rd2	59			79		
20	Qd3	exd3	40	Kd5	Rd5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Ong				Qi Yi				Hofman			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
24 Aug
2026

Board
1

WHITE Meiyazhagan Kaviinayan											
BLACK Ong Qi Yi											
FED KOR						FED SGP					
RESULT (W)						RESULT (B)					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf3	Nb5	41	d4	Kg6	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rc4	Bh6	42	h4	Re2	62		
3	Bb5	g6	23	f4	Na3	43	h5	Kf5	63		
4	O-O	Bg7	24	*g4	Rb8	44	Qb6	Kg6	64		
5	c3	Nf6	25	g5	Bf8	45	exf7	Rte7	65		
6	Re1	O-O	26	f5	gxf5	46	f5	Re3	66		
7	h3	d5	27	Nxf5	Rb7	47	Kf2	Rc3	67		
8	exd5	Nf5	28	Kf2	Rb5	48	Qd4	Kf5	68		
9	d4	Qb6	29	Ne3	Ra5	49	f7	Rc3	69		
10	Bxc6	bxc6	30	Re2	h6	50	Ke3	d4	70		
11	Nf4	c4	31	Qxh6	Bh6	51	Kd3	Rc3	71		
12	b3	exd3	32	Rg4	Kh7	52	Kd4	Rc4	72		
13	Nf3	Nc7	33	Ng4	Bg7	53	Kd4	Ke6	73		
14	Bd3	Rd8	34	Nf6	Bd6	54	f5	Qd5	74		
15	Bc5	Qa6	35	exf6	Rg8	55	Qd4		75		
16	Qd2	Bf5	36	Rg8	Kg8	56			76		
17	Nh4	Bd3	37	Re8	Kh7	57			77		
18	Bxe7	Rte7	38	Nf5	Nc4	58			78		
19	Nf5	Qd4	39	Re7	Rd2	59			79		
20	Kd3	Qd3	40	Kg3	Nf5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Qi Yi				Hofman			



17-43

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group 410
Round 5

Board 2

WHITE Chone Jake						FED HKG						RESULT (W) 1					
BLACK Jin Haoyang						FED CHN						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne6	fe	41			61								
2	c4	eb	22	Ne4	Qh6	42			62								
3	Nc3	Nf8	23	Nd6	Nf8	43			63								
4	cd	cd	24	Nf5	Qd5	44			64								
5	Bg5	Re7	25	h4	Qd4	45			65								
6	e3	c6	26	Ne7	Kh8	46			66								
7	Qc2	o-o	27	Qf2	h5	47			67								
8	Bd3	Nbd7	28	Qf4	Qf4	48			68								
9	Nge2	Re8	29	Rf4	Kh7	49			69								
10	o-o	Nf8	30	Rf1	Nd7	50			70								
11	f3	Nbd7	31	Be6	Re8	51			71								
12	Rf4	Bg5	32	Bd7	Re7	52			72								
13	Rae1	b6	33	Rf7	Rf7	53			73								
14	e4	Bf4	34	Rf7	Ba6	54			74								
15	Nf4	Qh6	35	e6	Bc4	55			75								
16	Ne2	de	36	Rf5	g6	56			76								
17	fe	Qd5	37	e7	g7	57			77								
18	Nf4	Bb7	38	es		58			78								
19	Bc4	Re7	39			59			79								
20	e5	Ne6	40			60			80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
						Jin Haoyang											

17 7

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/8/26

Group 410
Round 5

Board 2

WHITE Jake Chong						FED HKG						RESULT (W) 1					
BLACK Jin Haoyang						FED CHN						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nke32	Exe22	41			61								
2	c4	eb	22	Nc4	Qh6	42			62								
3	Nc3	Nf8	23	Nd6	Nf8	43			63								
4	cd	cd	24	Nf5	Qd5	44			64								
5	Bg5	Re7	25	h4	Qd4	45			65								
6	e3	c6	26	Ne7	Kh8	46			66								
7	Qc2	o-o	27	Qf2	h5	47			67								
8	Bd3	Nbd7	28	Qf4	Qf4	48			68								
9	Nge2	Re8	29	Rf4	Kh7	49			69								
10	o-o	Nf8	30	Rf1	Nd7	50			70								
11	f3	Nbd7	31	Be6	Re8	51			71								
12	Rf4	Bg5	32	Bd7	Re7	52			72								
13	Rae1	b6	33	Rf7	Rf7	53			73								
14	e4	Bf4	34	Rf7	Ba6	54			74								
15	Nf4	Qh6	35	e6	Bc4	55			75								
16	Ne2	de	36	Rf5	g6	56			76								
17	fe	Qd5	37	e7	g7	57			77								
18	Nf4	Bb7	38	es		58			78								
19	Bc4	Re7	39			59			79								
20	e5	Ne6	40			60			80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
						Jin Haoyang											



10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.5.24

Group B/0
Round 5
Board 3

WHITE Zhang Yangning						FED CHN						RESULT(W) 1					
BLACK Liang Junyu						FED CHN						RESULT(B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	g5	21	ed	50	ed	12	41				61					
2	Nf3	g6	22	Qa4	49	Qd7	10	42				62					
3	d4	g8	23	Re1	45	Kd8	9	43				63					
4	Nd4	g6	24	Qa3	45	Rf8	8	44				64					
5	Bd3	g2	25	Rd1	45	Re6	8	45				65					
6	Nb3	g1	26	Ra7	42	Qb6	7	46				66					
7	0-0	g1	27	Qa5	40	Qb6	7	47				67					
8	Qe2	g1	28	Nd5	41	Qa5	2	48				68					
9	Be3	g7	29	Nf6	41	Kg8	2	49				69					
10	g4	g5	30	Re1	42	Rb6	3	50				70					
11	Ra4	g3	31	Rb6	42			51				71					
12	Qe3	g1	32					52				72					
13	Nb3	g7	33					53				73					
14	Ra6	g1	34					54				74					
15	Ra6	g0	35					55				75					
16	Ra4	g3	36					56				76					
17	Qd2	g2	37					57				77					
18	Qe2	g2	38					58				78					
19	Rd1	g2	39					59				79					
20	Ra6	g2	40					60				80					
SIGNATURE (WHITE) zym						SIGNATURE (BLACK) Liang Junyu						SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-24

Group B/0
Round 5
Board 3

WHITE Zhang Yangning						FED CHN						RESULT(W) 1					
BLACK Liang Junyu						FED CHN						RESULT(B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	ed	ed	41			61								
2	Nf3	e6	22	Qa4	Qd7	42			62								
3	d4	ad	23	Re1	Kd8	43			63								
4	Nd4	ab	24	Qa3	Re8	44			64								
5	Bd3	Bc5	25	Pd1	Rc6	45			65								
6	Nb3	Ba7	26	Ra7	Qd6	46			66								
7	0-0	Nc6	27	Qa5	Qb6	47			67								
8	Qe2	d6	28	Nd5	Qa5	48			68								
9	Be3	b5	29	Nf6	Kc8	49			69								
10	a4	ba	30	Rc1	Rc6	50			70								
11	Ra4	Be3	31	Rc6		51			71								
12	Qe3	Nf6	32			52			72								
13	Nc3	Rb8	33			53			73								
14	Ba6	Ba6	34			54			74								
15	Ra6	Nb4	35			55			75								
16	Ra4	Nc2	36			56			76								
17	Qd2	Rb3	37			57			77								
18	Qc2	Rb8	38			58			78								
19	Rd1	Qe7	39			59			79								
20	Ra6	Qd5	40			60			80								
SIGNATURE (WHITE) [Signature]						SIGNATURE (BLACK) Liang Junyu						SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					



18-22

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.24

Group
B10
Round
5
Board
4

WHITE Manjunathan Janani Yokgan						FED SGP		RESULT (W) 1/2			
BLACK Liang Zhenheng						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nc2	Rd8	41	Rh8	Ke7	61		
2	d3	d5	22	Nd4	Rd4	42	Qg3	Rd7	62		
3	Nd2	Nc6	23	Rf1	h6	43	f4	Qd6	63		
4	Ng5	e5	24	Qa3	a6	44	Qe1	Qe6	64		
5	g3	Nf6	25	Re7	Rd7	45	Qb4	Qd6	65		
6	ed	Qd5	26	Rd7	Qd7	46	Qc4	Qe6	66		
7	Bj2	Bc5	27	Qb3	Nd5	47	Qb4	Qd6	67		
8	O-O	O-O	28	Re1	Nf6	48	Qe4	Qe6	68		
9	Nc4	Bg4	29	Bf1	Rb6	49			69		
10	h3	Bxf3	30	Qc2	Nh7	50			70		
11	Bxf3	Q4	31	Re3	Ng5	51			71		
12	Bj2	Qe6	32	h4	Nh7	52			72		
13	Bc3	Be3	33	Bh3	Qd8	53			73		
14	Ne3	Rd8	34	Qe2	Nf6	54			74		
15	Qe2	ed	35	f4	Kf8	55			75		
16	cd	Nd4	36	Rg3	Nd5	56			76		
17	Qe1	c6	37	g5	Nf4	57			77		
18	Lh2	Qd7	38	Qg4	h9	58			78		
19	Rad1	Qc7	39	h7	Nh3	59			79		
20	Qc3	Rd7	40	Rh3	Qc7	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Yokgan			SIGNATURE (BLACK) Liang Zhenheng			SIGNATURE (ARBITER) Yokgan					

18-22

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
24/8/2026

Group
u10
Round
5
Board
4

WHITE YOKGIAN						FED SGP		RESULT (W) 1/2			
BLACK LIANG ZHENHENG						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nc2	Rd8	41	Rh8	Re7	61		
2	d3	d5	22	Nxd4	Rxd4	42	Qg3	Rd7	62		
3	Nd2	Nc6	23	Rf1	h6	43	f4	Qd6	63		
4	Ng5	e5	24	Qa3	a6	44	Re1	Qe6	64		
5	g3	Nf6	25	Re7	Rd7	45	Qb4	Qd6	65		
6	exd5	Qxd5	26	Rxd7	Qxd7	46	Qc4	Qe6	66		
7	Ba2	Bc5	27	Qb3	Nh5	47	Qb4	Qd6	67		
8	O-O	O-O	28	Re1	Nf6	48	Qe4	Qe6	68		
9	Nc4	Bg4	29	Bf1	Rd6	49	✓	Draw?	69		
10	h3	Bxf3	30	Qc2	Nh7	50			70		
11	Bxf3	e4	31	Re3	Ng5	51			71		
12	Bg2	Qd8	32	h4	Nh7	52			72		
13	Re3	Bg3	33	Bh3	Qd9	53			73		
14	Nre3	Rfd8	34	Qe2	Nf6	54			74		
15	Qe2	exf3	35	g4	Kf8	55			75		
16	Qxd3	Qxd3	36	Rg3	Nd5	56			76		
17	Qd1	c6	37	g5	Nf4	57			77		
18	Kh2	Qd7	38	Qg4	hxg5	58			78		
19	Ra2	Qd7	39	hxg5	Nf3	59			79		
20	Qc3	Rd7	40	Rxf3	Qd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
YOKGIAN			LIANG ZHENHENG			YOKGIAN					

18.21

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.7.24

Group
B10
Round
5
Board
5

WHITE Wang Sh						FED CHN						RESULT (W)	
BLACK Tsengel G						FED MGL						RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	b4	Ke7	41			61				
2	Nc3	d5	22	Qd3	Ra8	42			62				
3	Bf4	a6	23	Rbd1	g6	43			63				
4	Nf3	e6	24	h5	Nd7	44			64				
5	e3	c5	25	Bg3	e5	45			65				
6	Nc5	Nc6	26	Re1	Kd6	46			66				
7	Nc6	bc	27	de	Ke6	47			67				
8	Qd2	cd	28	f4	c5	48			68				
9	ed	Bb4	29	f5	gh	49			69				
10	f3	a5	30	Qf5	Ke7	50			70				
11	g4	a4	31	Bb4	Ke8	51			71				
12	g3	Ba5	32	e6		52			72				
13	Be5	Ba6	33			53			73				
14	h4	Bf1	34			54			74				
15	Kf1	Qb6	35			55			75				
16	Rb1	Bc3	36			56			76				
17	Qc3	Rg8	37			57			77				
18	b3	Ra5	38			58			78				
19	Kg2	Rb5	39			59			79				
20			40			60			80				
SIGNATURE (WHITE) Wang Shunkai						SIGNATURE (BLACK) Tsh						SIGNATURE (ARBITER) Xuan	

18.21

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.24

Group
u10
Round
五(5)
Board
5

WHITE Wang Shunkai						FED CHN						RESULT (W)	
BLACK Tsengel G						FED MGL						RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	ad3	Ra8	41			61				
2	Nc3	d5	22	Rd4	g6	42			62				
3	Bf4	a6	23	h5	Bg3 Nd7	43			63				
4	Nf3	e6	24	Bg3	e5	44			64				
5	e3	c5	25	Re1	Kd6	45			65				
6	Nc5	Nc6	26	de	Ke6	46			66				
7	Nc6	bc	27	f4	c5	47			67				
8	Qd2	cd	28	f5	gf	48			68				
9	ed	Bb4	29	Qf5	Ke7	49			69				
10	f3	a5	30	Bh4	Ke8	50			70				
11	g4	a4	31	e6		51			71				
12	g3	Ba5	32			52			72				
13	Be5	Ba6	33			53			73				
14	h4	Bf1	34			54			74				
15	Kf1	Qb6	35			55			75				
16	Rb1	Bc3	36			56			76				
17	Qc3	Rg8	37			57			77				
18	b3	Ra5	38			58			78				
19	Kg2	Rb5	39			59			79				
20	b4	Ke7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE) Wang Shunkai						SIGNATURE (BLACK) Tsh						SIGNATURE (ARBITER) Xuan	



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group B10
Round 85

Date 24 Aug 2026 Board 6

WHITE ~~Icalina Navi~~ Yuval Ng x											
BLACK ~~Yuval Ng~~ Icalina Navi											
FED SGP						FED PHI					
RESULT (W) 1						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rad1	Rad8	41	Rg1	Rf1	61		
2	c4	c6	22	dxc6	Qxc6	42	Rg8	Rd7	62		
3	nc3	nf6	23	lch1	Qc7	43	net	pd8	63		
4	nf3	dxc4	24	Re2	Bg3	44	ng5	fel	64		
5	a4	Bf5	25	Qa4	Qc6	45	Rxd8	Bxd8	65		
6	e3	eb	26	Qb3	Bc7	46	c4	Bb6	66		
7	Bxc4	Re7	27	Bd8	Rxd8	47	Bff	ab	67		
8	O-O	O-O	28	Re7	Rf8	48	Bb8	Bc7	68		
9	Rel	net	29	h3	Qd6	49	Bxc7	nc7	69		
10	net	Bxc4	30	Bb4	Qf4	50	net	q7	70		
11	Bd2	Bb7	31	Bd2	Qd6	51			71		
12	Bc3	hbb	32	Bb4	Qc6	52			72		
13	Bd3	Bg6	33	Qc3	Pc8	53			73		
14	Bxc6	hxc6	34	Qxc6	hxc6	54			74		
15	et	Qc7	35	nd4	Bff	55			75		
16	as	nd7	36	Bc5	nf6	56			76		
17	d5	ed5	37	Rxa7	net	57			77		
18	exd5	Bd6	38	Bb6	c5	58			78		
19	Qd4	nf6	39	nb5	nf2	59			79		
20	Qht	nh7	40	kg1	Be3	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Yuval Ng				SIGNATURE (BLACK) Navi				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Group B10
Round 5
Board 6

Date 24 Aug 2026

WHITE Yuval Ng											
BLACK Navi Icalina											
FED CHNSGP						FED PHI					
RESULT (W) 1						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rd1	Rad8	41	Kf1	Re8	61		
2	c4	c6	22	dxc6	Qxc6	42	Rd7	Ve4	62		
3	Nc3	Nf6	23	Kh1	Qc7	43	Rd8	Na3	63		
4	Nf3	dxc4	24	Re2	Bg3	44	Ke1	Rxd8	64		
5	a4	Bf5	25	Qa4	Qc6	45	Bxd8	c4	65		
6	e3	eb	26	Qb3	Bc7	46	Bb6	Bf4	66		
7	Bxc4	Re7	27	Rxd8	Rxd8	47	ag	Bb8	67		
8	O-O-O	O-O	28	Ree1	Rf8	48	Bxd7	Bxc7	68		
9	Rel	Ne4	29	h3	Qd6	49	Nre7	Ne4	69		
10	Nxe4	Bxc4	30	Bb4	Qf4	50	a7		70		
11	Bd7	Nd7	31	Bd2	Qd6	51			71		
12	Bc3	Nb6	32	Bb4	Qc6	52			72		
13	Bd3	Bg6	33	Qc3	Rc7	53			73		
14	Bxc6	hxc6	34	Qxc6	hxc6	54			74		
15	e4	Qc7	35	Bb4	Bf4	55			75		
16	q5	Nd7	36	Bc5	Nf6	56			76		
17	d5	exd5	37	Ra7	Ne4	57			77		
18	e+d5	Bd6	38	Bb6	c5	58			78		
19	Qd4	Nf6	39	Nb5	Nxf2	59			79		
20	Qht	Nh7	40	Ka1	Be3	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Yuval Ng				SIGNATURE (BLACK) Navi				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

16.45

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group U10
Round 5
Board 7

WHITE						FED MGL		RESULT (W)			
montygo, Tushinbayev								0			
BLACK						FED KOR		RESULT (B)			
Kwak Joohwan								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb1	Rc8	41			61		
2	Nf3	Qb6	22	Kf1	Qb7	42			62		
3	d4	cd	23	Qc2	Qnd7	43			63		
4	Ud4	af6	24	Bd2	Bf6	44			64		
5	Nc3	ae	25	Qe3	Bk	45			65		
6	Rc3	es	26	Qe2	Rb3	46			66		
7	Uf3	Bf6	27	f3	Rb4	47			67		
8	f3	Bd7	28	Bc1	Bg1	48			68		
9	Qd2	h5	29	Bg1	Qb2	49			69		
10	~~h5~~ h5	~~Bd5~~ Bd5	30	Qd2	Ra1	50			70		
11	a4	Ud7	31	Ke2	Qd4	51			71		
12	c4	a5	32	Qe1	Qd4	52			72		
13	Bd3	ao	33	Bd3	Rd4	53			73		
14	a4	Bb6	34			54			74		
15	Ke2	Nc5	35			55			75		
16	Nc5	bc	36			56			76		
17	Rh91	Rb8	37			57			77		
18	R1	Rb4	38			58			78		
19	b3	Qd7	39			59			79		
20	Bc2	ea	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

16.45

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group B10
Round 5
Board 8

WHITE						FED		RESULT (W)			
Khanulgoa						MGL		0			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Kwak Joohwan						KOR		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb9	Rc8	41			61		
2	Nf3	d6	22	Kd1	Qb4	42			62		
3	d4	c2	23	Qc3	Bd7	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	Bd2	Bf6	44			64		
5	Nc3	d6	25	Qc3	Bd4	45			65		
6	Bc3	e5	26	Qc2	Rb3	46			66		
7	Nb3	Bc6	27	f3	Rb4	47			67		
8	f3	Bc7	28	Bd1	Rd1	48			68		
9	Qd2	f5	29	Qb2	Qd2	49			69		
10	Nd5	Bd5	30	Qc1	Qc4	50			70		
11	e2	Nb1	31			51			71		
12	c4	Bd3	32			52			72		
13	Bd3	O-O	33			53			73		
14	Qd4	b6	34			54			74		
15	Kf2	Nc5	35			55			75		
16	Nc5	b6	36			56			76		
17	Rd1	Rb3	37			57			77		
18	Rb1	Rb4	38			58			78		
19	b3	Qd4	39			59			79		
20	Bc2	e4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

16:57

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南·陵水)

Group	U-10
Round	5
Date	2026/12/8

WHITE		BLACK	
TERGEL	FED	MG L	FED
RESULT (W)	7/2	RESULT (B)	7/2

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	en	cs	21	Tg6	hg	41	hg5	hg3	61	hg6	hg7
2	ut3	eb	22	bc7	hg18	42	hg4	hg4	62	hg6	hg7
3	dy	ca	23	tt6	ut6	43	hg3	hg4	63	tg	tg
4	ud4	ab	24	ud4	utd5	44	hg8	hg4	64	hg11	hg5
5	ul3	bc7	25	bc3	ud7	45	hg3	hg4	65	hg7	hg6
6	ta3	tu	26	ud5	ud5	46	tg	tg	66	hg6	hg6
7	td2	ut6	27	bc5	bc5	47	hg	hg5	67	hg4	hg6
8	0-0	tl5	28	tg5	tg	48	hg6	hg6	68	hg3	hg5
9	ut3	ut6	29	tg7	tg5	49	hg4	hg5	69	hg3	hg5
10	h3	0-0	30	ut2	tg3	50	hg5	hg5	70	hg3	hg5
11	Tg5	tg7	31	hg8	hg8	51	hg4	hg5	71	hg2	hg4
12	tg3	tg	32	ut7	tg6	52	hg4	hg6	72	hg2	hg4
13	tg7	tg7	33	tg	tg	53	hg	tg3	73	hg3	hg5
14	ab	hg6	34	hg6	hg1	54	hg2	hg2	74	hg2	hg4
15	ud2	ab	35	hg2	hg1	55	hg6	hg2	75	hg2	hg3
16	ea	ud5	36	hg6	hg12	56	hg3	hg2	76	hg2	hg4
17	bd2	hg2	37	hg2	hg2	57	hg3	hg2	77	hg2	hg5
18	hg2	tg	38	hg6	hg3	58	hg2	hg2	78	hg2	hg4
19	ca	ut7	39	hg4	hg3	59	hg2	hg2	79	hg2	hg7
20	Tg5	ud6	40	hg8	hg7	60	hg3	hg2	80	hg2	hg7

16:57

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南·陵水)

Group	8/10
Round	5
Date	2026/12/9

WHITE		BLACK	
TERGEL	FED	MG L	FED
RESULT (W)	0.5	RESULT (B)	0.5

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ca	cs	21	hg6	hg	41	hg3	hg	61	hg6	hg7
2	ut3	eb	22	bc7	hg4	42	hg4	hg4	62	hg6	hg7
3	dy	ca	23	tg6	hg3	43	hg6	hg3	63	hg5	hg5
4	ud4	ab	24	ud4	hg5	44	hg4	hg5	64	hg5	hg6
5	ul3	bc7	25	bc3	hg7	45	hg3	hg7	65	hg7	hg6
6	ta3	tu	26	ud5	hg5	46	hg5	hg5	66	hg6	hg4
7	td2	ut6	27	bc5	hg5	47	hg5	hg5	67	hg6	hg3
8	0-0	tl5	28	hg5	hg5	48	hg5	hg5	68	hg5	hg4
9	ut3	ut6	29	hg5	hg5	49	hg5	hg5	69	hg5	hg3
10	h3	0-0	30	hg5	hg5	50	hg5	hg5	70	hg5	hg2
11	Tg5	tg7	31	hg8	hg8	51	hg5	hg5	71	hg5	hg2
12	tg3	tg	32	ut7	hg6	52	hg6	hg6	72	hg4	hg3
13	tg7	tg7	33	tg	hg2	53	hg2	hg2	73	hg5	hg2
14	ab	hg6	34	hg6	hg1	54	hg6	hg1	74	hg2	hg2
15	ud2	ab	35	hg2	hg1	55	hg3	hg1	75	hg2	hg2
16	ea	ud5	36	hg3	hg2	56	hg3	hg2	76	hg4	hg1
17	bd2	hg2	37	hg2	hg2	57	hg2	hg2	77	hg5	hg2
18	hg2	tg	38	hg6	hg3	58	hg5	hg3	78	hg4	hg1
19	ca	ut7	39	hg4	hg3	59	hg3	hg3	79	hg3	hg3
20	Tg5	ud6	40	hg8	hg7	60	hg3	hg2	80	hg3	hg3

17.23

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.24

Group
B10
Round
5
Board
9

WHITE Enkaimondo						FED NGL			RESULT (W) 0		
BLACK Long, Yian						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	ed	Rs	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rg1	Nb2	42			62		
3	Bb5	d6	23	Re6	Rd6	43			63		
4	Bc6	d6	24	Kf1	g3	44			64		
5	O-O	Bg4	25	Re1	Pa1	45			65		
6	h3	h5	26	Ke2	Re8	46			66		
7	d3	Bc5	27	Kd2	Re1	47			67		
8	Honk	g4	28	Re1	Re1	48			68		
9	Re4	Bf3	29	Re1	g3	49			69		
10	Qf3	Qf3	30			50			70		
11	gf	f6	31			51			71		
12	f4	e1	32			52			72		
13	Qf4	O-O-O	33			53			73		
14	Ra1	Ne7	34			54			74		
15	c3	g5	35			55			75		
16	Bh2	g4	36			56			76		
17	hg	hg	37			57			77		
18	dt	Re6	38			58			78		
19	Bb7	cd	39			59			79		
20	d5	cd	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Enkaimondo			SIGNATURE (BLACK) Long Yian			SIGNATURE (ARBITER) Kullam					

17.23

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.24

Group
B10
Round
5
Board
9

WHITE Bayarara						FED MGL			RESULT (W) 0		
BLACK Long Yian						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	ed	Rs	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Rg1	Nb2	42			62		
3	Bb5	d6	23	Re6	Rd6	43			63		
4	Bc6	d6	24	Kf1	g3	44			64		
5	O-O	Bg4	25	Re1	Pa1	45			65		
6	h3	h5	26	Ke2	Re8	46			66		
7	d3	Bc5	27	Kd2	Re1	47			67		
8	Honk	g4	28	Re1	Re1	48			68		
9	Re4	Bf3	29	Re1	g3	49			69		
10	Qf3	Qf3	30			50			70		
11	gf	f6	31			51			71		
12	f4	e1	32			52			72		
13	Qf4	O-O-O	33			53			73		
14	Ra1	Ne7	34			54			74		
15	c3	g5	35			55			75		
16	Bh2	g4	36			56			76		
17	hg	hg	37			57			77		
18	dt	Re6	38			58			78		
19	Bb7	cd	39			59			79		
20	d5	cd	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Bayarara			SIGNATURE (BLACK) Long Yian			SIGNATURE (ARBITER) Kullam					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B/0
Round 5
Board 10

17:12

WHITE: Zhou Shuhong					FED: CHN					RESULT (W): 1				
BLACK: Ruengjirachun chuntat					FED: THA					RESULT (B): 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qe2	b4	41	Nxh4	Rd1/53	61					
2	Nf3	d6	22	Na4	Qd3/52	42	Kh2	Rd1/53	62					
3	Bb5	Rf7	23	Rc2	Ne3/43	43	Rc8	Nd4/47	63					
4	Bd7	Nxd3/44	24	Rf1	Rxd3/44	44	Nf5/44	Bc5	64					
5	c4	Nf5/44	25	Bb6	Rxd3/44	45	KR5	Rd1/47	65					
6	Nc3	g6	26	Qx2	Rxd3/44	46	Bxf8	Rf4/47	66					
7	d4	cx4/36	27	Qc7	Qxc7/36	47	f4	Re8/56	67					
8	Nxd4	Bd1/35	28	Rxc7	Ne3/43	48	Ra6		68					
9	O-O	O-O/13	29	Rc1	Nd7/15	49			69					
10	f3	Ne5/35	30	Be3	Ne5/35	50			70					
11	b3	Qc5/46	31	Ne2	Nb3/47	51			71					
12	Nde2	Nd7/15	32	Rc2	Ne5/35	52			72					
13	Bd2	Qb6/45	33	Ph3	Bd7/19	53			73					
14	Kh1	Qd1/36	34	Nb6	Rd1/47	54			74					
15	Rc1	Rd1/47	35	Nd4	Rd1/47	55			75					
16	Nf4	e6/47	36	Nc6	Nxd3/44	56			76					
17	Nd4	Qd1/36	37	Rxc6	Rd1/47	57			77					
18	Nc3	Qd1/36	38	Rc4	d5/17	58			78					
19	Be3	b5/36	39	exd5	exd5/17	59			79					
20	cx5	ax5/36	40	Nxd5	Rd1/47	60			80					
SIGNATURE (WHITE): zhushuhong					SIGNATURE (BLACK): [Signature]					SIGNATURE (ARBITER): [Signature]				

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B/0
Round 5
Board 10

17:12

WHITE: zhuo shuhong					FED: CHN					RESULT (W): 1				
BLACK: Ruengjirachun chuntat					FED: THA					RESULT (B): 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qe2	b4	41	Nb5	Rd1	61					
2	Nf3	d6	22	Na4	Qb7	42	Kh2	Rd1	62					
3	Bb5	Rf7	23	Rc2	Ne5	43	Rc8	Rd1	63					
4	Bd7	Nxd3/44	24	Rf1	Rxd3/44	44	Rd8	Nf5	64					
5	c4	Nf5/44	25	Bb6	Rc2	45	Bc5	Kc7	65					
6	Nc3	g6	26	Qc2	Rd8	46	Bb8	Kf6	66					
7	d4	cx4/36	27	Qc7	Qc7	47	f4	Rd1	67					
8	Nxd4	Bd1/35	28	Rc7	Ne8	48	Rd8		68					
9	O-O	O-O/13	29	Rc1	Nd7	49			69					
10	f3	Ne5/35	30	Be3	Ne5	50			70					
11	b3	Qa5	31	Ne2	Nd5	51			71					
12	Nde2	Nd7/15	32	Rc2	Ne5	52			72					
13	Bd2	Qb6/45	33	N3	Bf8	53			73					
14	Kh1	a6	34	Nb6	Rd8	54			74					
15	Rc1	Rd1/47	35	Nd4	Rd8	55			75					
16	Nf4	e6/47	36	Nc6	Nc6	56			76					
17	Nd4	Qd1/36	37	Rxc6	Rd1/47	57			77					
18	Nc3	Qd1/36	38	Rc4	d5/17	58			78					
19	Be3	b5/36	39	exd5	exd5/17	59			79					
20	cx5	ax5/36	40	Nxd5	Rd1/47	60			80					
SIGNATURE (WHITE): zhuashuhong					SIGNATURE (BLACK): [Signature]					SIGNATURE (ARBITER): [Signature]				



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

15:54

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.
8.24

Group U10
Round 5
Board 11

WHITE Park, kangmin						FED KOR		RESULT (W) 0			
BLACK Molhd Shahnul Annuar, Mubd Aariz Daniel						FED MAS		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	d5	21	c3	Qxe5	41			61		
2	exd5	Qxd5	22	Kd1	Bd3	42			62		
3	d4	c6	23	Re1	Qg3	43			63		
4	Nc3	Qd6	24	Re3	Qg1	44			64		
5	Nf3	Nf6	25	Rc1	Qf2	45			65		
6	Bc4	Bg4	26	Be3	Qb2	46			66		
7	h3	Bh5	27	Bd2	Qb3	47			67		
8	g4	Bg6	28	Rxc2	Qxc2	48			68		
9	Be3	e6	29			49			69		
10	Ne5	Nd7	30			50			70		
11	f4	Nd5	31			51			71		
12	Nxd5	exd5	32			52			72		
13	Bb5	Qb4	33			53			73		
14	Qd2	Qxb5	34			54			74		
15	Qc3	Bb4	35			55			75		
16	a4	Bxc3	36			56			76		
17	bxc3	Qb2	37			57			77		
18	Rc1	Nxe3	38			58			78		
19	fxe5	Qxc3	39			59			79		
20	Bd2	Qxd4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

15:54

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.
8.24

Group U10
Round 5
Board 11

WHITE						FED		RESULT (W)			
PARK KANGMIN						KOR		0			
BLACK						FED		RESULT (B)			
ANUR DANIEL						MALAYSIA		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	c3	Qe5	41			61		
2	exd5	Qxd5	22	Kd1	Bd3	42			62		
3	d4	c6	23	Re1	Qg3	43			63		
4	Nc3	Qd6	24	Re3	Qg1	44			64		
5	Nf3	Nf6	25	Re1	Qf2	45			65		
6	Bc4	Bg4	26	Be3	Qb2	46			66		
7	h3	Bh5	27	Bd2	Qb3	47			67		
8	g4	Bg6	28	Rc2	Qc2	48			68		
9	Be3	e6	29			49			69		
10	Ne5	Nb6	30			50			70		
11	f4	Nd5	31			51			71		
12	Nxd5	exd5	32			52			72		
13	Bb5	Qb4	33			53			73		
14	Qd2	Qxb5	34			54			74		
15	Qc3	Bb4	35			55			75		
16	a4	Bxc3	36			56			76		
17	bxc3	Qb2	37			57			77		
18	Rc1	Nxe3	38			58			78		
19	fxe5	Qxc3	39			59			79		
20	Bd2	Qxd4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

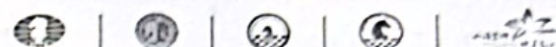


Date 8/23/2026

Group B10
Round 5
Board 12

WHITE Unubastar, Buyah										FED MGL	RESULT (W) 1/2
BLACK Aaron										FED TPE	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nf2	Nb4	41	Bb2	d3	61	Kg3	Kd5
2	d4	d5	22	Ng1	Rc8	42	Bc1	Bb7	62	Rd2	Re8
3	e5	c5	23	Be1	Nc2	43	Rd2	Bc2	63	g4	Kc6
4	c3	Nc6	24	Nxc2	Bxc2	44	Re1	a5	64	f5	gxh5
5	Bb5	Bf5	25	Rc1	Be4	45	Bc3	axb4	65	gxh5	e5
6	Bxc6	bxc6	26	Bf2	Rc6	46	Bxb4	Ke7	66		
7	Bc3	cxh4	27	Rd1	a6	47	Re4	h5	67		
8	cxh4	e6	28	Rd4	Qb7	48	Rd4	g6	68		
9	Nc2	Bb2	29	b3	Qb5	49	Kf2	Rb7	69		
10	Qc4	Bxb2	30	Be1	Qe2	50	Ke3	Rd7	70		
11	Bxd2	Qd7	31	Rd2	Qe3	51	Rd6	Rdxb6	71		
12	Nf2	Bd3	32	Rf2	Rb5	52	exd6	Kd7	72		
13	Nc3	Nd7	33	Bd2	Qd0	53	Kd4	f6	73		
14	Bc5	Rc8	34	b4	Bf5	54	Kc4	Rc8	74		
15	Rd1	Bg6	35	Qc3	Qc4	55	Bc3	Rc8	75		
16	Qa3	c5	36	Re1	d4	56	Bb4	Kc6	76		
17	dxc5	Nc6	37	Qc4	Qd3	57	h3	Rf8	77		
18	O-O	O-O	38	Qxd3	Bxd3	58	Rf2	h4	78		
19	f4	h6	39	a3	Kf8	59	Rf3	Bd1	79		
20	Bh4	Rb8	40	Bc1	Bc4	60	Re3	Be2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
QAHAK			Lim Aaron Isaac								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group B-10
Round 5
Board 12

WHITE Unubastar										FED MGL	RESULT (W) 0,5
BLACK Aaron										FED TPE	RESULT (B) 0,5
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Nf2	Nb4	41	Tb2	d3	61	Hc3	Hf5
2	d4	d5	22	Ng1	Rc8	42	Tc1	Tb3	62	Hd2	Tc8
3	e5	c5	23	Te1	Nc2	43	Td2	Tc2	63	g4	Hc6
4	c3	Nc6	24	Nxc2	Bxc2	44	Td1	d5	64	f5	g4
5	Bb5	Bf5	25	Rc1	Be4	45	Tc3	a6	65	g4	e5
6	Bxc6	bxc6	26	Bf2	Rc6	46	Tb4	Hc2	66		
7	Bc3	cxh4	27	Rd1	a6	47	Td4	h5	67		
8	cxh4	e6	28	Rd4	Qb7	48	Td4	g6	68		
9	Nc2	Bb2	29	b3	Qb5	49	Hf2	Td7	69		
10	Qc4	Bxb2	30	Rd2	Qe3	50	Hc3	Td7	70		
11	Bxd2	Qd7	31	Rf2	Rb5	51	Td6	Td7	71		
12	Nf2	Bd3	32	Rf2	Rb5	52	ee6	Hd7	72		
13	Nc3	Nd7	33	Bd2	Qd0	53	Hd4	f6	73		
14	Bc5	Rc8	34	b4	Bf5	54	Hc4	Tc8	74		
15	Rd1	Bg6	35	Qc3	Qc4	55	Tc3	Tc8	75		
16	Qa3	c5	36	Re1	d4	56	Tb4	Hc6	76		
17	dxc5	Nc6	37	Qc4	Qd3	57	h3	Td7	77		
18	O-O	O-O	38	Qxd3	Bxd3	58	Td2	h4	78		
19	f4	h6	39	a3	Kf8	59	Td3	Td1	79		
20	Bh4	Rb8	40	Bc1	Bc4	60	Td3	Td1	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
LIT			QAHAK								
			Lim Aaron Isaac								



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group 410
Round 5
Board 13

WHITE Liu, Xinyu												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Azbilov, Bayzagan												FED MGL	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	Re5	Qd3	41	b4	Kd5	61				
2	d4	d5	22	Qe7	Qg6	42	Q4	Kc4	62				
3	ed	cd	23	Rg5	Qg5	43	b5	Kc4	63				
4	c4	Nf6	24	Qg5	Kh8	44	Qh4	Kc5	64				
5	Nc3	e6	25	n4	Bc6	45	Qe4	f6	65				
6	c5	Nc6	26	h5	Ke8	46	g4	Kb6	66				
7	Nf3	b6	27	Qf6	d4	47	Qb4	Kc7	67				
8	Bb5	b3d7	28	Qd4	Ke7	48	Qc5	Kc7	68				
9	cb	Qb6	29	Nb5	Bb5	49	Qc6	Kc8	69				
10	O-O	Ba8	30	Rc8	Rc8	50	Q5	f5	70				
11	Rd1	o-o	31	Qb4	Kf6	51	Q6	f4	71				
12	h3	Bb4	32	Qb5	Kc8	52	Qb7		72				
13	Bd3	h6	33	Kc2	Rd1	53			73				
14	Bf4	Rfc8	34	Qe2	Rd5	54			74				
15	Kc1	Ne7	35	Qg4	Rg5	55			75				
16	Ne5	Bc8	36	Qh4	e5	56			76				
17	Qd2	Bd6	37	h6	Kc6	57			77				
18	Bh6	g7	38	Qg5	Kd5	58			78				
19	Qh6	Qd4	39	h7	Kf5	59			79				
20	Qf6	Be5	40	N8d	Kc6	60			80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Liu, Xinyu				Azbilov, Bayzagan				J. Wang					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group B10
Round 5
Board 17

WHITE Liu, Xinyu (CHN)												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Azbilov, Bayzagan												FED MGL	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c6	21	Re5	Qd3	41	b4	Kd5	61				
2	d4	d5	22	Qe7	Qg6	42	Q4	Kc4	62				
3	ed	cd	23	Rg5	Qg5	43	b5	Kc4	63				
4	c4	Nf6	24	Qg5	Kh8	44	Qh4	Kc5	64				
5	Nc3	e6	25	n4	Bc6	45	Qe4	f6	65				
6	c5	Nc6	26	h5	Ke8	46	g4	Kb6	66				
7	Nf3	b6	27	Qf6	d4	47	Qb4	Kc7	67				
8	Bb5	b3d7	28	Qd4	Ke7	48	Qc5	Kc7	68				
9	cb	Qb6	29	Nb5	Bb5	49	Qc6	Kc8	69				
10	O-O	Ba8	30	Rc8	Rc8	50	Q5	f5	70				
11	Rd1	o-o	31	Qb4	Kf6	51	Q6	f4	71				
12	h3	Bb4	32	Qb5	Kc8	52	Qb7		72				
13	Bd3	h6	33	Kc2	Rd1	53			73				
14	Bf4	Rfc8	34	Qe2	Rd5	54			74				
15	Kc1	Ne7	35	Qg4	Rg5	55			75				
16	Ne5	Bc8	36	Qh4	e5	56			76				
17	Qd2	Bd6	37	h6	Kc6	57			77				
18	Bh6	g7	38	Qg5	Kd5	58			78				
19	Qh6	Qd4	39	h7	Kf5	59			79				
20	Qf6	Be5	40	N8d	Kc6	60			80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Liu, Xinyu				Azbilov, Bayzagan				J. Wang					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南·文昌)



Date: 17-21
Board: 14

WHITE: WU, Ethan Eric										FED: HKG	RESULT (W): 1
BLACK: Feng Yuan										FED: CHN	RESULT (B): 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rfb1	Na5	41	Bc4	Kf7	61	Kd6	Kd8
2	Nf3	Nf6	22	ab	ab	42	Kf1	Ne4	62	e7	Ke8
3	Bf4	C5	23	Qb2	Nb3	43	Ke2	Ke7	63	f5	Kf7
4	e3	Nc6	24	Nb3	Cb	44	Ke3	N95	64	Kd7	Kf6
5	Nbd2	B94	25	Qb3	Ra1	45	f3	Nf7	65	e8=Q	Kf5
6	C3	e6	26	Ra1	Rc8	46	Kf4	g5	66	Qe3	K96
7	Qb3	Qc8	27	Rb1	Nh5	47	K93	g6	67	Qf4	Kh7
8	Be2	C4	28	Be3	Nf6	48	h4	gh	68	Q95	Kh8
9	Qd1	Be7	29	Bf4	Bf6	49	Kh4	Kd7	69	Ke7	Kh7
10	h3	Bf5	30	Bd2	Rb8	50	g4	Ke7	70	Kf7	Kh8
11	0-0	0-0	31	Be3	Ne8	51	g4	gf	71	Q97#	
12	Nh4	B96	32	Be2	Nc7	52	f4	Nd8	72		
13	N96	h9	33	Bf4	Bd6	53	d5	ed	73		
14	Qc2	b5	34	Bd6	Qd6	54	Bd5	Nf7	74		
15	e4	ab	35	~~Qc2~~	Qc6	55	Bf7	Kf7	75		
16	Bf3	Qd7	36	Qd3	f5	56	K95	Ke6	76		
17	Rfe1	Rfe1	37	C5	Nd5	57	K96	Ke7	77		
18	Ra8	bc	38	Rb5	Rb5	58	Kf5	Kf7	78		
19	dC	a4	39	Qb5	Qb5	59	e6	Ke7	79		
20	Ra8	Ra8	40	Bb5	Nc3	60	Ke5	Ke8	80		
SIGNATURE (WHITE): Ethan			SIGNATURE (BLACK): Feng Yuan			SIGNATURE (ARBITER):					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南·文昌)



Date: 17-21
Board: 14

WHITE: Ethan										FED: HKG	RESULT (W): 1
BLACK: Feng Yuan										FED: CHN	RESULT (B): 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Reb8	Na5	41	Bc4	Kf7	61	Kf6	Kd8
2	Nf3	Nf6	22	ab	ab	42	Kf1	Ne4	62	e7	Ke8
3	Bf4	C5	23	Qb2	Nb3	43	Ke2	Ke7	63	f5	Kf7
4	e3	Nc6	24	Nxb3	Cb	44	Ke3	N95	64	Kd7	Kf6
5	Nbd2	B94	25	Qxb3	Rx91	45	f3	Nf7	65	e8=Q	Kx45
6	C3	e6	26	Rx91	Rc8	46	Kf4	g5	66	Qe3	K96
7	Qb3	Qc8	27	Rb1	Nh5	47	K93	g6	67	Qf4	Kh7
8	Be2	C4	28	Be3	Nf6	48	h4	gh	68	Q95	Kh8
9	Qd1	Be7	29	Bf4	Bf8	49	Kxh9	Kd7	69	Ke7	Kh7
10	h3	Bf5	30	Bd2	Rb8	50	g4	Ke7	70	Kf7	Kh8
11	0-0	0-0	31	Be3	Ne8	51	g4	gf	71	Q97#	
12	Nh4	B96	32	Be2	Nc7	52	f4	Nd8	72		
13	NX96	h9	33	Bf4	Bd6	53	d5	ed	73		
14	Qc2	b5	34	Bxh6	Qxh6	54	Bxh5	Kf7	74		
15	e4	ab	35	Qc2	Qc6	55	Bxh7	Kxf7	75		
16	Bf3	Qd7	36	Qd3	f5	56	K95	Ke6	76		
17	Rfe1	Rex	37	e5	Nd5	57	K96	Ke7	77		
18	b3	Ra8	38	Rxb5	RX65	58	Kxf5	Kf7	78		
19	bc	ed	39	Qxb5	Qxb5	59	Qxf5	Ke7	79		
20	a4	Ra8	40	Bxb5	NXc3	60	Ke5	Ke8	80		
SIGNATURE (WHITE): Ethan			SIGNATURE (BLACK): Feng Yuan			SIGNATURE (ARBITER):					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

17-46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/8/2026 Board 15

Group B10
Round 5

WHITE Myint Mho Thurein												FED MYA	RESULT (W)
BLACK Fang Xingchen												FED CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Nef3	Be7	41			61				
2	c3	d5	22	Ng5	h6	42			62				
3	exd5	Qxd5	23	Nxe6	fxc6	43			63				
4	d4	Nf6	24	~~Ne5~~	~~Nf3~~	44			64				
5	Nf3	c6	25	~~Rxe5~~	~~Rb8~~	45			65				
6	Be2	Be7	26	Rfe1	Rb6	46			66				
7	Be3	Ng4	27	d5	Rxd5	47			67				
8	Nd2	O-O	28	Rxd5	exd5	48			68				
9	Qb3	Rd8	29	Rxe7	a6	49			69				
10	~~Qxh5~~	~~exd5~~	30			50			70				
11	h3	Nxe3	31			51			71				
12	fxe3	Nc6	32			52			72				
13	O-O	Re1	33			53			73				
14	Bd3	Bf6	34			54			74				
15	Rae1	c4	35			55			75				
16	Bc2	Bd7	36			56			76				
17	e4	dxex	37			57			77				
18	Bxe1	b5	38			58			78				
19	Bc2	Bc6	39			59			79				
20	Rd1	Rd8	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Oliver			Fang Xingchen			[Signature]							

17-46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24 Board 15

Group B10
Round 5

WHITE Myint Mho Thurein												FED MYA	RESULT (W)
BLACK Fang Xingchen												FED CHN	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	~~Rb4~~	~~Be7~~	41			61				
2	c3	d5	22	~~Ng5~~	~~h6~~	42			62				
3	~~exd5~~	~~Qxd5~~	23	~~Nxe6~~	~~fxc6~~	43			63				
4	d4	Nf6	24	~~Rd6~~	~~Nf7~~	44			64				
5	Nf3	c6	25	~~Nxe7~~	~~Rxe7~~	45			65				
6	Be2	Be7	26	~~Rb5~~	~~Rfe1~~	46			66				
7	Be3	Ng4	27	~~Rb6~~	~~d4~~	47			67				
8	~~Nf5~~	~~O-O~~	28	~~Rxd5~~	~~exd5~~	48			68				
9	~~Qb3~~	~~Rd8~~	29	~~exd5~~	~~Rxe7~~	49			69				
10	~~Qxd5~~	~~exd5~~	30	~~Qb~~	~~Bb6~~	50			70				
11	~~h3~~	~~Nxe3~~	31	~~Bc6~~		51			71				
12	~~fxe3~~	~~Nc6~~	32			52			72				
13	~~O-O~~	~~Re1~~	33			53			73				
14	~~Bd3~~	~~Bf6~~	34			54			74				
15	~~Rae1~~	~~c4~~	35			55			75				
16	~~Bc2~~	~~Bd7~~	36			56			76				
17	~~e4~~	~~dxex~~	37			57			77				
18	~~Bxe1~~	~~b5~~	38			58			78				
19	~~Bc2~~	~~Bc6~~	39			59			79				
20	~~Rd1~~	~~Rd8~~	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Oliver			Fang Xingchen			[Signature]							



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App